

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÀU VIỆT

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo tài chính hợp nhất	04-43
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	04-05
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	06-07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10-43



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Quốc tế Âu Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phân bón Quốc tế Âu Việt, tiền thân là Công ty TNHH MTV Phân bón Quốc tế Âu Việt được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6300230407 ngày 31 tháng 7 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 04 lần thay đổi đăng ký kinh doanh về việc tăng vốn điều lệ, thay đổi người đại diện theo pháp luật. Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 04 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp ngày 07 tháng 6 năm 2021.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 04: 136.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoàng Luân	Chủ tịch
Bà Võ Huỳnh Trang	Ủy viên
Ông Võ Văn Phước Quê	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Quang	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Văn Phước Quê	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Quang	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Bảo Trâm	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	Thành viên

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Võ Văn Phước Quê

Tổng Giám đốc

Hậu Giang, ngày 30 tháng 01 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		175.829.446.962	174.850.297.679
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	10.366.575.712	7.480.666.909
111	1. Tiền		10.366.575.712	7.480.666.909
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	10.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		10.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		79.057.968.952	76.720.826.201
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	66.630.245.362	67.243.082.692
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	10.962.542.893	8.645.972.949
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.465.180.697	831.770.560
140	IV. Hàng tồn kho	8	73.196.029.620	87.254.953.710
141	1. Hàng tồn kho		73.196.029.620	87.254.953.710
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.208.872.678	3.393.850.859
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	95.502.942	81.816.842
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		3.113.369.736	3.312.034.017
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		188.411.043.038	187.536.435.206
220	II. Tài sản cố định		95.107.683.513	88.323.680.891
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	65.054.700.675	57.075.498.953
222	- Nguyên giá		79.728.634.598	68.139.530.481
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(14.673.933.923)	(11.064.031.528)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	4.758.125.836	5.200.609.720
225	- Nguyên giá		5.265.505.600	5.265.505.600
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(507.379.764)	(64.895.880)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	25.294.857.002	26.047.572.218
228	- Nguyên giá		28.677.302.852	28.677.302.852
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.382.445.850)	(2.629.730.634)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	79.471.218.029	83.174.462.279
231	- Nguyên giá		89.439.336.836	89.556.959.273
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.968.118.807)	(6.382.496.994)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	-	1.933.237.680
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	1.933.237.680
260	VI. Tài sản dài hạn khác		13.832.141.496	14.105.054.356
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	13.832.141.496	14.105.054.356
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		364.240.490.000	362.386.732.885

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		149.482.288.805	157.059.539.904
310	I. Nợ ngắn hạn		139.287.471.100	146.864.722.199
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	10.875.525.764	38.550.579.701
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	-	718.396.832
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	282.879.713	646.299.385
314	4. Phải trả người lao động		434.280.340	282.268.054
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	7.543.385.079	7.944.870.906
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	200.000.000	1.076.000.000
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	119.951.400.204	97.646.307.321
330	II. Nợ dài hạn		10.194.817.705	10.194.817.705
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	188.931.600	188.931.600
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	10.005.886.105	10.005.886.105
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		214.758.201.195	205.327.192.981
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	214.758.201.195	205.327.192.981
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		136.000.000.000	136.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		136.000.000.000	136.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		471.167.081	471.167.081
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		75.129.564.987	65.758.003.906
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		65.758.719.103	58.864.866.667
421b	LNST chưa phân phối năm nay		9.370.845.884	6.893.137.239
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		3.157.469.127	3.098.021.994
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		364.240.490.000	362.386.732.885

Nguyễn Khải Vân
Người lậpBiện Thị Chuyên
Kế toán trưởngVõ Văn Phước Quê
Tổng Giám đốc

Hậu Giang, ngày 30 tháng 01 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÁU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện
Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý IV năm 2023		Quý IV năm 2022		Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023		Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	177.523.792.413	154.403.462.403	603.264.224.215	391.263.292.351				
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-				
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		177.523.792.413	154.403.462.403	603.264.224.215	391.263.292.351				
11	4. Giá vốn hàng bán	23	171.342.296.519	149.205.659.296	577.279.435.615	371.206.691.899				
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.181.495.894	5.197.803.107	25.984.788.600	20.056.600.452				
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	359.371.326	4.404.122	924.648.933	10.843.783				
22	7. Chi phí tài chính	25	3.634.392.449	2.838.123.789	11.634.067.847	7.649.694.608				
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3.634.392.449	2.838.123.789	11.634.067.847	7.649.694.608				
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-	-	-				
25	9. Chi phí bán hàng	26	257.983.611	130.633.703	1.023.912.935	1.044.991.530				
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	1.178.837.163	919.941.433	4.353.780.136	3.857.515.424				
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.469.653.997	1.313.508.304	9.897.676.615	7.515.242.673				
31	12. Thu nhập khác		-	-	16.385.376	5.597.720				
32	13. Chi phí khác		31.369.877	1.862.570	47.755.253	204.107.578				
40	14. Lợi nhuận khác		(31.369.877)	(1.862.570)	(31.369.877)	(198.509.858)				

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện
Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý IV năm 2023		Quý IV năm 2022		Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023		Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.438.284.120	1.311.645.734	9.866.306.738	7.316.732.815				
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	124.786.697	15.372.061	435.298.529	374.079.385				
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-	-	-				
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1.313.497.423	1.296.273.673	9.431.008.209	6.942.653.430				
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		1.313.497.423	1.296.273.673	9.370.845.884	4.562.315.111				
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		-	-	60.162.325	2.380.338.319				
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29			689	335				


Nguyễn Khai Văn
Người lập

Hậu Giang, ngày 30 tháng 01 năm 2024



Biện Thị Chuyên
Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2023	Từ ngày 01/01/2022
			đến ngày 31/12/2023	đến ngày 31/12/2022
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		9.866.306.738	7.316.732.815
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		8.390.723.308	7.045.870.071
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(924.648.933)	188.704.540
06	- Chi phí lãi vay		11.634.067.847	7.649.694.608
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		28.966.448.960	22.201.002.034
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.223.848.328)	14.321.542.306
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		14.058.924.090	(46.466.730.377)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(29.626.357.960)	18.194.857.835
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		259.226.760	312.461.402
14	- Tiền lãi vay đã trả		(11.498.832.726)	134.231.328
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(526.498.201)	(752.001.068)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		409.062.595	7.945.363.460
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(9.838.265.471)	(23.788.863.553)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	950.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(10.000.000.000)	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		10.018.796	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(19.828.246.675)	(22.828.019.770)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		294.884.476.708	201.991.258.039
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(271.305.294.100)	(190.471.175.139)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(1.274.089.725)	(879.479.372)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		22.305.092.883	10.640.603.528

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2023	Từ ngày 01/01/2022
			đến ngày 31/12/2023	đến ngày 31/12/2022
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		2.885.908.803	(4.242.052.782)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		7.480.666.909	11.722.719.691
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>10.366.575.712</u>	<u>7.480.666.909</u>

Nguyễn Khải Vân
Người lập

Biện Thị Chuyên
Kế toán trưởng



Võ Văn Phước Quê
Tổng Giám đốc

Hậu Giang, ngày 30 tháng 01 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân bón Quốc tế Âu Việt, tiền thân là Công ty TNHH MTV Phân bón Quốc tế Âu Việt được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6300230407 ngày 31 tháng 7 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 136.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 136.000.000.000 đồng; tương đương 13.600.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là: Sản xuất và kinh doanh phân bón, cho thuê nhà xưởng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty không quá 12 tháng.

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2023 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Phúc Điền Hậu Giang	huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang	97,62%	97,62%	Sản xuất, kinh doanh phân bón, cho thuê nhà xưởng, sản xuất điện mặt trời

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/09/2023. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Doanh nghiệp sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

Máy móc, thiết bị	15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 năm

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	06 - 25 năm

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là TSCĐ vô hình khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

2.12 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 20 - 25 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

2.13 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 . Vay và nợ

Các khoản vay và nợ phải trả được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Doanh nghiệp được hưởng ưu đãi về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp do hoạt động trên địa bàn khó khăn, cụ thể như sau:

* Tại Công ty mẹ

- Áp dụng mức thuế suất 10% trong 15 năm, kể từ năm 2014 (năm đầu tiên phát sinh doanh thu)
- Miễn 100% thuế TNDN trong 04 năm kể từ năm 2017 (phát sinh thu nhập chịu thuế)
- Giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2021.

* Tại Công ty con

- Áp dụng mức thuế suất 10% trong 15 năm, kể từ năm 2016
- Miễn 100% thuế TNDN trong 04 năm kể từ năm 2017
- Giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

2.25 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	739.150.171	1.066.816.213
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.627.425.541	6.413.850.696
	10.366.575.712	7.480.666.909

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn mở online tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 10,7%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV SX TMDV Song	15.412.188.490	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Louis	6.951.058.740	-	2.698.405.995	-
Công ty CP Hoá chất và phân bón Thăng Lợi	5.102.830.000	-	-	-
Công ty Cổ phần XNK Nông sản Miền Nam	4.749.330.800	-	3.022.977.000	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Hoàng Kim Anh	4.559.032.742	-	4.262.342.053	-
Công ty TNHH SX TM XNK Khánh Phát	3.144.052.303	-	3.392.394.445	-
Công ty Xuất nhập khẩu nông nghiệp An Phát	2.752.578.000	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Ameer	2.082.699.537	-	4.520.808.027	-
Công ty TNHH Giải pháp Nông nghiệp và Xây dựng Đồng Tâm	-	-	10.418.349.496	-
Công ty TNHH Gold Vạn Phát	-	-	10.854.844.830	-
Phải thu khách hàng khác	21.876.474.750	-	28.072.960.846	-
	66.630.245.362	-	67.243.082.692	-

VI
 C
 H
 G
 13/11

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Thương mại Toàn Cầu	1.500.000.000	-	-	-
Công ty CP Xây dựng ACB	9.083.492.000	-	7.687.993.045	-
Công ty TNHH Nguyên liệu NN Mekong	-	-	91.472.196	-
Các đối tượng khác	379.050.893	-	866.507.708	-
	10.962.542.893	-	8.645.972.949	-

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	914.630.137	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	550.550.560	-	550.550.560	-
Phải thu khác	-	-	281.220.000	-
	1.465.180.697	-	831.770.560	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	38.456.985.398	-	49.902.907.683	-
Công cụ, dụng cụ	346.296.296	-	-	-
Hàng hoá	34.392.747.926	-	37.352.046.027	-
	73.196.029.620	-	87.254.953.710	-

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số đầu kỳ	Phát sinh tăng trong kỳ	Phát sinh giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ (*)	1.933.237.680	73.151.710	2.006.389.390	-
Xây dựng cơ bản dở dang (**)	-	9.168.000.000	9.168.000.000	-
Sửa chữa, nâng cấp TSCĐ	-	628.265.471	628.265.471	-
Cộng	1.933.237.680	9.869.417.181	11.802.654.861	-

(*) Là tài sản căn hộ văn phòng số B2, tầng 8, dự án Golden king, số 15 Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, Quận 7, TP Hồ Chí Minh. Tài sản đang được sử dụng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Public bank Việt Nam.

(**) Chi phí công trình nhà kho, nhà xe, đường nội bộ kho của Công ty Cổ phần Đầu tư Phúc Điền Hậu Giang.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ẬU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

10 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Tài sản cố định khác (*)		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá									
Số dư đầu năm	38.033.365.518	11.571.188.000	2.157.036.363	16.377.940.600	68.139.530.481				
- Mua trong kỳ	1.750.838.646	42.000.000	-	-	1.792.838.646				
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	9.796.265.471	-	-	-	9.796.265.471				
- Phân loại lại	-	-	-	-	-				
Số dư cuối kỳ	49.580.469.635	11.613.188.000	2.157.036.363	16.377.940.600	79.728.634.598				
Giá trị hao mòn lũy kế									
Số dư đầu kỳ	5.047.690.268	3.453.855.271	1.289.732.240	1.272.753.749	11.064.031.528				
- Khấu hao trong kỳ	1.762.130.856	842.527.868	350.126.051	655.117.620	3.609.902.395				
- Phân loại lại	-	-	-	-	-				
Số dư cuối kỳ	6.809.821.124	4.296.383.139	1.639.858.291	1.927.871.369	14.673.933.923				
Giá trị còn lại									
Tại ngày đầu kỳ	32.985.675.250	8.117.332.729	867.304.123	15.105.186.851	57.075.498.953				
Tại ngày cuối kỳ	42.770.648.511	7.316.804.861	517.178.072	14.450.069.231	65.054.700.675				

(*) Tài sản cố định khác là Hệ thống điện năng lượng mặt trời.

Trong đó:

- Một số tài sản cố định có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 33.856.569.983 VND và 29.151.427.007 VND đang được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hậu Giang
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.613.834.727 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	-	2.522.000.000	2.743.505.600	5.265.505.600
Số dư cuối kỳ	-	2.522.000.000	2.743.505.600	5.265.505.600
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	42.033.333	22.862.547	64.895.880
- Trích khấu hao	-	168.133.332	274.350.552	442.483.884
Số dư cuối kỳ	-	210.166.665	297.213.099	507.379.764
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	-	2.479.966.667	2.720.643.053	5.200.609.720
Tại ngày cuối kỳ	-	2.311.833.335	2.446.292.501	4.758.125.836

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*) VND	Chương trình phần mềm VND	Quyền phát hành VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	28.584.202.852	93.100.000	-	28.677.302.852
Số dư cuối kỳ	28.584.202.852	93.100.000	-	28.677.302.852
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	2.571.952.854	57.777.780	-	2.629.730.634
- Khấu hao trong kỳ	738.265.212	14.450.004	-	752.715.216
Số dư cuối kỳ	3.310.218.066	72.227.784	-	3.382.445.850
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu kỳ	26.012.249.998	35.322.220	-	26.047.572.218
Tại ngày cuối kỳ	25.273.984.786	20.872.216	-	25.294.857.002

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 49.750.000 đồng.

(*) Quyền sử dụng đất thuộc tờ bản đồ số 01, địa chỉ Ấp Tầm Vu 1, Xã Thạnh Hòa, Huyện Phụng Hiệp, Tỉnh Hậu Giang theo các Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất sau:

Số GCN	Số thửa	Diện tích	Thời hạn sử dụng	Mục đích sử dụng	Giá trị QSD đất
CV110726	1754	12.851,4m ²	29/09/2054	Đất thương mại dịch vụ	12.285.114.090
CV110726	1754	14.797,9m ²	02/08/2056	Đất thương mại dịch vụ	14.145.843.240
CV110726	1754	1.000m ²	Lâu dài	Đất thương mại dịch vụ	955.935.858
CV245717	1206	300m ²	Lâu dài	Đất ở tại nông thôn	286.780.758
CV245718	1220	300m ²	Lâu dài	Đất ở tại nông thôn	286.780.758
CV245719	1211	300m ²	Lâu dài	Đất ở tại nông thôn	286.780.758
CV245720	1215	59m ²	Lâu dài	Đất ở tại nông thôn	56.400.216
CV245743	1214	293,5m ²	29/09/2054	SX phi nông nghiệp	280.567.174
TỔNG CỘNG					28.584.202.852

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 28.584.202.852 VND và 25.273.984.786 VND đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hậu Giang.

13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Tại ngày 01/01/2023	89.556.959.273	(6.382.496.994)	83.174.462.279
Tăng trong kỳ	-	-	
Giảm trong kỳ	117.622.437	-	
Khấu hao trong kỳ	-	(3.585.621.813)	-
Tại ngày 31/12/2023	<u>89.439.336.836</u>	<u>(9.968.118.807)</u>	<u>79.471.218.029</u>

Bất động sản đầu tư có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 41.358.221.895 VND và 35.494.545.089 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hậu Giang.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	81.648.773	81.816.842
Phí gia hạn phần mềm	13.854.169	-
	<u>95.502.942</u>	<u>81.816.842</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ	159.345.046	98.926.138
Chi phí chứng nhận hợp quy sản phẩm	150.670.846	137.112.517
Chi phí thuê đất (*)	13.483.707.896	13.782.724.724
Chi phí trả trước dài hạn khác	38.417.708	86.290.977
	<u>13.832.141.496</u>	<u>14.105.054.356</u>

(*) Là giá trị QSD đất thuê trả tiền một lần tại thửa đất số 288, tờ bản đồ số 25, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR248466 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Hậu Giang cấp. Thời hạn sử dụng đất đến ngày 22/01/2069. Giá trị quyền sử dụng đất nói trên đang được thế chấp đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hậu Giang. Chi phí thuê đất được phân bổ dần vào chi phí với thời gian phân bổ 50 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023**15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại An Gia Phú	890.281.200	890.281.200	1.812.204.030	1.812.204.030
Công ty TNHH TM và DV nông nghiệp Phú Thứ	3.386.597.715	3.386.597.715	-	-
Công ty CP Sinh Học Xanh	298.126.065	298.126.065	3.361.466.065	3.361.466.065
Công ty TNHH MTV Thương Mại Toàn Cầu	126.343.597	126.343.597	4.732.117.562	4.732.117.562
Công ty TNHH MTV Nam Việt Hậu Giang	59.133.910	59.133.910	3.503.881.000	3.503.881.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Ngọc Phương Nam	157.572.165	157.572.165	4.229.545.291	4.229.545.291
Công ty TNHH SX và TM Phân bón hữu cơ Đức Tín (tên cũ "Công ty TNHH XNK Nông sản Đức Tín")	3.561.576.918	3.561.576.918	4.904.273.880	4.904.273.880
Công ty TNHH MTV Nông sản Lương Sơn	-	-	6.308.531.096	6.308.531.096
Phải trả các đối tượng khác	2.395.894.194	2.395.894.194	9.698.560.777	9.698.560.777
	10.875.525.764	10.875.525.764	38.550.579.701	38.550.579.701

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty TNHH TM DV TH Ngân Phúc	-	307.000.000
Công ty Cổ phần Phân bón Lâm Phong	-	332.448.445
Các đối tượng khác	-	78.948.387
	-	718.396.832

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÁU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	374.079.385	435.298.529	526.498.201	-	282.879.713	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	272.220.000	-	272.220.000	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	1.468.610	1.468.610	-	-	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	41.369.877	41.369.877	-	-	-	-	-	-	-	-
	-	646.299.385	478.137.016	841.556.688	-	282.879.713	-	-	-	-	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Doanh nghiệp được hưởng ưu đãi về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp do hoạt động trên địa bàn khó khăn, cụ thể như sau:

- * Tại Công ty mẹ
- Áp dụng mức thuế suất 10% trong 15 năm, kể từ năm 2014 (năm đầu tiên phát sinh doanh thu)
- Miễn 100% thuế TNDN trong 04 năm kể từ năm 2017 (phát sinh thu nhập chịu thuế)
- Giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2021.

* Tại Công ty con

- Áp dụng mức thuế suất 10% trong 15 năm, kể từ năm 2016
- Miễn 100% thuế TNDN trong 04 năm kể từ năm 2017
- Giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	509.651.746	374.416.625
- Chi phí công trình nhà xưởng đã nghiệm thu chưa hoá đơn tại Công ty mẹ	-	7.570.454.281
- Chi phí công trình nhà xưởng đã nghiệm thu chưa hoá đơn (*)	7.033.733.333	-
	<u>7.543.385.079</u>	<u>7.944.870.906</u>

(*) Giá trị công trình nhà kho, nhà xe, đường nội bộ kho Phúc Điền đã nghiệm thu chưa hoá đơn.

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	200.000.000	200.000.000
- Thù lao HĐQT, BKS	-	216.000.000
- Ông Nguyễn Hoàng Luân	-	660.000.000
	<u>200.000.000</u>	<u>1.076.000.000</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	188.931.600	188.931.600
	<u>188.931.600</u>	<u>188.931.600</u>

(*) Là khoản nhận đặt cọc tiền thuê kho bãi của Công ty Cổ phần giao hàng tiết kiệm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

a/ Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Là khoản vay ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Thủ Đức theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 44/2023/HĐHMTD/PVB-CN.TĐ ký ngày 17/04/2023. Hạn mức cho vay là 30.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký, lãi suất cho vay được ghi cụ thể trong mỗi khế ước nhận nợ, mục đích cấp tín dụng là để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bởi:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 63, tờ bản đồ số 13; tại khu dân cư Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh vật liệu xây dựng Fico, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Thành Lập và bà Phạm Trần Đan Thanh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 821060, số vào sổ cấp GCN: CS02762 do Sở Tài Nguyên và Môi trường TP Cần Thơ cấp ngày 10/03/2017. Giá trị tài sản thế chấp là 6.424.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 15/2022/HĐBĐ/PVB-CN.TĐ ký ngày 05/05/2022.
- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 198, tờ bản đồ số 5; tại Xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Vũ Kiên và bà Phạm Trần Kim Ngọc theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 727050, số vào sổ cấp GCN: CS00318 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 06/08/2018. Giá trị tài sản thế chấp là 7.370.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 38/2022/HĐBĐ/PVB-CN.TĐ ký ngày 10/10/2022.
- Quyền sử dụng đất tài thửa đất số: 114, tờ bản đồ số 3; địa chỉ thửa đất: xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Vũ Công và bà Mai Thị Hằng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 770070, số vào sổ cấp GCN: CS00346 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 24/08/2018. Giá trị tài sản thế chấp là 8.976.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 39/2022/HĐBĐ/PVB-CN.TĐ ký ngày 10/10/2022.

(2) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Cần Thơ theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số CTO/22249 ngày 08/11/2022. Hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích cấp tín dụng: bổ sung vốn lưu động, phát hành/thanh toán UPAS LC nội địa phục vụ sản xuất phân bón các loại. Lãi suất được quy định theo từng khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan ký kết giữa khách hàng và ngân hàng. Biện pháp bảo đảm:

Chi tiết về các biện pháp và tài sản đảm bảo được thoả thuận cụ thể trong các tài liệu sau được ký kết giữa Bên ngân hàng với khách hàng và/hoặc các Bên liên quan:

- Hợp đồng bảo đảm (thế chấp/cầm cố/bảo lãnh) số CTO/22014 ngày 09/03/2022. Tài sản cầm cố là khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng, giá trị 21 tỷ đồng mang tên Ông Nguyễn Hoàng Luân được gửi tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.
- Hợp đồng bảo đảm (thế chấp/cầm cố/bảo lãnh) số CTO/22250 ngày 08/11/2022;

(3) Bao gồm

Khoản vay của Công ty Cổ phần phân bón quốc tế Âu Việt

Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2023-HĐCVHM/NHCT821-CTY ÂU VIỆT ngày 08 tháng 08 năm 2023. Hạn mức cho vay là 40.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 08/08/2024 kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay được quy định trên từng Giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh phân bón. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất tại thửa 288, tờ bản đồ số 25, địa chỉ Ấp Long Giang B, Thị trấn Cái Tắc, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 248466, số vào sổ cấp GCN CT14247, do Sở tài nguyên và môi trường Tỉnh Hậu Giang cấp ngày 19/08/2019. Giá trị của tài sản là 54.869.127.968 đồng theo Biên bản thoả thuận định giá tài sản thế chấp số 01/2022/HĐBĐ/NHCT821-AU VIET-CR248466 ngày 23/03/2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

Khoản vay của Công ty Cổ phần Đầu tư Phúc Điền Hậu Giang

Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hậu Giang theo hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2023-HĐCVHM/NHCT821-CTY PHUC DIEN ký ngày 11/09/2023. Hạn mức cho vay là 90.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày ký đến ngày 11/09/2024. Lãi suất cho vay được ghi cụ thể trong mỗi Giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Mục đích sử dụng là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Tài sản đảm bảo bao gồm:

(i) Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 02/2020/HĐBĐ/NHCT821-CTY PHUC DIEN HAU GIANG ngày 25/8/2020, bao gồm các tài sản đảm bảo sau:

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 110726 thuộc thửa đất số 1754, tờ bản đồ số 01; Địa chỉ: Ấp Tầm Vu 1, Xã Thạnh Hòa, Huyện Phụng Hiệp, Tỉnh Hậu Giang; Diện tích gồm: 12.851,4 m2 thời hạn sử dụng đến ngày 29/09/2054, 14.797,9 m2 thời hạn sử dụng đến 02/08/2056 và 1000 m2 thời hạn sử dụng lâu dài; Mục đích sử dụng là đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Số vào sổ cấp GCN: CT19114 do Sở tài nguyên và môi trường Tỉnh Hậu Giang cấp ngày 31/07/2020.
- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 245743 thuộc thửa đất số 1214, tờ bản đồ số 01; Địa chỉ: Ấp Tầm Vu 1, Xã Thạnh Hòa, Huyện Phụng Hiệp, Tỉnh Hậu Giang; Diện tích gồm: 293,5 m2 thời hạn sử dụng đến ngày 29/09/2054; Mục đích sử dụng là đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Số vào sổ cấp GCN: CT19190 do Sở tài nguyên và môi trường Tỉnh Hậu Giang cấp ngày 12/08/2020.
- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 245720 thuộc thửa đất số 1215, tờ bản đồ số 01; Địa chỉ: Ấp Tầm Vu 1, Xã Thạnh Hòa, Huyện Phụng Hiệp, Tỉnh Hậu Giang; Diện tích gồm: 59,0 m2 thời hạn sử dụng lâu dài; Mục đích sử dụng là đất ở tại nông thôn; Số vào sổ cấp GCN: CT19194 do Sở tài nguyên và môi trường Tỉnh Hậu Giang cấp ngày 12/08/2020.
- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 245718 thuộc thửa đất số 1220, tờ bản đồ số 01; Địa chỉ: Ấp Tầm Vu 1, Xã Thạnh Hòa, Huyện Phụng Hiệp, Tỉnh Hậu Giang; Diện tích gồm: 300,0 m2 thời hạn sử dụng lâu dài; Mục đích sử dụng là đất ở tại nông thôn; Số vào sổ cấp GCN: CT19192 do Sở tài nguyên và môi trường Tỉnh Hậu Giang cấp ngày 12/08/2020.
- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 245717 thuộc thửa đất số 1206, tờ bản đồ số 01; Địa chỉ: Ấp Tầm Vu 1, Xã Thạnh Hòa, Huyện Phụng Hiệp, Tỉnh Hậu Giang; Diện tích gồm: 300,0 m2 thời hạn sử dụng lâu dài; Mục đích sử dụng là đất ở tại nông thôn; Số vào sổ cấp GCN: CT19191 do Sở tài nguyên và môi trường Tỉnh Hậu Giang cấp ngày 12/08/2020.
- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 245719 thuộc thửa đất số 1211, tờ bản đồ số 01; Địa chỉ: Ấp Tầm Vu 1, Xã Thạnh Hòa, Huyện Phụng Hiệp, Tỉnh Hậu Giang; Diện tích gồm: 300,0 m2 thời hạn sử dụng lâu dài; Mục đích sử dụng là đất ở tại nông thôn; Số vào sổ cấp GCN: CT19193 do Sở tài nguyên và môi trường Tỉnh Hậu Giang cấp ngày 12/08/2020.

Tổng giá trị của tài sản thế chấp là 124.553.103.070 VND, thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Phúc Điền Hậu Giang theo biên bản định giá tài sản đảm bảo số 01/2022-BBĐG/NHCT821-CTY PHUC DIEN HAU GIANG ngày 15/06/2022.

(ii) Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 01/2021/HĐBĐ/NHCT821-PHUCDIEN-TRAIPHIEU ngày 23/12/2021 và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có) được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang và Ông Nguyễn Hoàng Luân.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

b/ Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Khoản vay của Công ty Cổ phần Phân bón Quốc tế Âu Việt

(4) Là khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Public bank Việt Nam theo hợp đồng hạn mức số HCM/000099/18 ngày 05 tháng 03 năm 2018 với hạn mức là 1.400.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức là 180 tháng kể từ ngày kí, lãi suất cho vay là 2,6%/năm + lãi suất tiền gửi có kì hạn cá nhân 12 tháng bằng VNĐ loại lãi cuối kì niêm yết tại ngân hàng. Mục đích sử dụng là tài trợ/hoàn lại một phần chi phí mua Căn hộ văn phòng số B2, tầng 8, dự án Golden king, số 15 Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, Quận 7, TP Hồ Chí Minh, hiện đang được sử dụng làm văn phòng đại diện của Công ty. Gốc và lãi vay được trả định kỳ hàng tháng một khoản tiền là 7.780.000 VND trong vòng 180 tháng bắt đầu từ tháng tiếp theo sau ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng Căn hộ văn phòng số B2, tầng 8, dự án Golden king, số 15 Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, Quận 7, TP Hồ Chí Minh với giá mua là 2.063.504.239 VND.

(5) Là khoản nợ thuê tài chính với Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế CHAILEASE theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng cho thuê tài chính số C2208060C2 ngày 13/9/2022 cho tài sản: Dây chuyền trộn phân NPK 3 màu; Thời hạn thuê 48 tháng, giá trị thuê 2.522.000.000 VND. Lãi suất thuê ban đầu là 9,18% cho thời hạn tính lãi là 365 ngày và 9,05% cho thời hạn tính lãi là 360 ngày, sau đó sẽ thả nổi và được tính theo lãi suất tiêu chuẩn cộng với biên độ 3,07%. Nợ thuê được thanh toán lãi và gốc thành 47 kỳ.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số B2207325C1 ngày 19/7/2022, Bản tu chỉnh số 1 Hợp đồng cho thuê tài chính số B2207325C1 ngày 18/11/2022 cho tài sản: Ô tô con hiệu Mercedes Benz biển số 50 LD-195.57 và Ô tô con hiệu Vinfast biển số 50 LD-200.46; Thời hạn thuê 36 tháng, giá trị thuê 2.743.505.600 VNĐ. Lãi suất thuê ban đầu là 9,8% cho thời hạn tính lãi là 365 ngày và 9,67% cho thời hạn tính lãi là 360 ngày, sau đó sẽ thả nổi và được tính theo lãi suất tiêu chuẩn cộng với biên độ 2,67%. Nợ thuê được thanh toán lãi và gốc thành 35 kỳ.

Khoản vay của Công ty Cổ phần Đầu tư Phúc Điền Hậu Giang

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hậu Giang theo hợp đồng tín dụng số 01/2021 – HCVADADT/NHCT821 – CTY PHUC DIEN HAU GIANG ngày 29/01/2021. Hạn mức vay là 12.000.000.000 VND với mục đích thanh toán/bù đắp chi phí đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời mái nhà tại số 179, quốc lộ 61, Ấp tầm vu 1, xã Thạch Hòa, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất được quy định trên từng giấy nhận nợ. Gốc và lãi vay được trả định kỳ hàng tháng trong đó gốc vay phải trả cho hàng kỳ là 135.000.000 VND. Tài sản đảm bảo là:

- Toàn bộ hệ thống điện mặt trời mái nhà thuộc dự án điện mặt trời mái nhà tại số 179, Quốc lộ 61, Ấp tầm vu 1, xã Thạch Hòa, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang theo hợp đồng thế chấp động sản số 01/2021/HĐBĐ/NHCT821-ĐMT-CTY PHUC DIEN ngày 29/01/2021, giá trị của tài sản là 16.701.000.000 VND.
- Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 02/2020/HĐBĐ/NHCT821-CTY PHUC DIEN HAU GIANG ngày 25/8/2020. Tổng giá trị của tài sản thế chấp là 124.553.103.070 VND, thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Phúc Điền Hậu Giang theo biên bản định giá tài sản đảm bảo số 01/2022- BBĐG/NHCT821-CTY PHUC DIEN HAU GIANG ngày 15/06/2022.
- Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá 01/2020/HĐBĐ/NHCT821- CTY PHUC DIEN HAU GIANG ngày 02/06/2020, thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Hoàng Luân. Tổng giá trị của tài sản thế chấp là 10.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÁU VIỆT

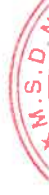
Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tác, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quý đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Năm 2022									
Tại ngày 01/01/2022	136.000.000.000	471.167.081			58.864.866.667	3.048.505.803		198.384.539.551	
Lãi/lỗ trong năm 2022	-	-			6.893.137.239	49.516.191		6.942.653.430	
Tại ngày 31/12/2022	136.000.000.000	471.167.081			65.758.003.906	3.098.021.994		205.327.192.981	
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023									
Tại ngày 01/01/2023	136.000.000.000	471.167.081			65.758.003.906	3.098.021.994		205.327.192.981	
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-			9.370.845.884	60.162.325		9.431.008.209	
Tăng/giảm khác	-	-			715.197	(715.192)		5	
Tại ngày 31/12/2023	136.000.000.000	471.167.081			75.129.564.987	3.157.469.127		214.758.201.195	



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Ông Nguyễn Hoàng Luân	38,24%	52.000.000.000	38,24%	52.000.000.000
Ông Võ Văn Phước Quê	11,40%	15.500.000.000	11,40%	15.500.000.000
Bà Võ Huỳnh Trang	0,37%	500.000.000	0,37%	500.000.000
Các cổ đông khác	50,00%	68.000.000.000	50,00%	68.000.000.000
	100%	136.000.000.000	100%	136.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023 VND	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	136.000.000.000	136.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	136.000.000.000	136.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	136.000.000.000	136.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.600.000	13.600.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	13.600.000	13.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.600.000	13.600.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.600.000	13.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.600.000	13.600.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	471.167.081	471.167.081
	471.167.081	471.167.081

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023 VND	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022 VND
Doanh thu bán hàng hoá	592.677.421.695	382.724.673.144
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.586.802.520	8.538.619.207
	603.264.224.215	391.263.292.351

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hoá, thành phẩm	569.907.496.995	365.112.969.828
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.371.938.620	6.093.722.071
	577.279.435.615	371.206.691.899

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	924.648.933	10.843.783
	924.648.933	10.843.783

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	11.634.067.847	7.649.694.608
	11.634.067.847	7.649.694.608

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	482.200.837	773.015.979
Chi phí khấu hao tài sản cố định	112.878.767	118.278.530
Chi phí dịch vụ mua ngoài	428.833.331	109.216.490
Chi phí khác bằng tiền	-	44.480.531
	1.023.912.935	1.044.991.530

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.155.639.943	1.169.069.845
Chi phí đồ dùng văn phòng	352.862.910	344.393.859
Chi phí khấu hao tài sản cố định	478.202.281	470.419.208
Thuế, phí, lệ phí	11.468.610	10.968.610
Chi phí dịch vụ mua ngoài	464.340.791	865.818.365
Chi phí khác bằng tiền	891.265.601	996.845.537
	4.353.780.136	3.857.515.424

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	365.891.885	374.079.385
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phúc Điền Hậu Giang	69.406.644	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	435.298.529	374.079.385

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	9.370.845.884	4.562.315.111
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	9.370.845.884	4.562.315.111
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	13.600.000	13.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	689	335

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	78.049.648.114	175.103.312.487
Chi phí nhân công	4.525.449.473	4.046.272.235
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.390.723.308	7.093.939.354
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.073.085.849	1.440.907.610
Chi phí khác bằng tiền	3.646.094.169	3.676.954.769
	96.685.000.913	191.361.386.455

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.366.575.712	-	7.480.666.909	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	68.095.426.059	-	68.074.853.252	-
Đầu tư ngắn hạn	10.000.000.000	-	-	-
	88.462.001.771	-	75.555.520.161	-
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			129.957.286.309	107.652.193.426
Phải trả người bán, phải trả khác			11.264.457.364	39.815.511.301
Chi phí phải trả			7.543.385.079	7.944.870.906
			148.765.128.752	155.412.575.633

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Đầu tư ngắn hạn	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 31/12/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.366.575.712	-	-	10.366.575.712
Phải thu khách hàng, phải thu khác	68.095.426.059	-	-	68.095.426.059
	<u>78.462.001.771</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>78.462.001.771</u>
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.480.666.909	-	-	7.480.666.909
Phải thu khách hàng, phải thu khác	68.074.853.252	-	-	68.074.853.252
	<u>75.555.520.161</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>75.555.520.161</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2023				
Vay và nợ	119.951.400.204	10.005.886.105	-	129.957.286.309
Phải trả người bán, phải trả khác	18.618.910.843	188.931.600	-	18.807.842.443
	138.570.311.047	10.194.817.705	-	148.765.128.752
Tại ngày 01/01/2023				
Vay và nợ	97.646.307.321	9.548.598.007	457.288.098	107.652.193.426
Phải trả người bán, phải trả khác	39.626.579.701	188.931.600	-	39.815.511.301
Chi phí phải trả	7.944.870.906	-	-	7.944.870.906
	145.217.757.928	9.737.529.607	457.288.098	155.412.575.633

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ẬU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

33 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Sản xuất và kinh doanh phân bón	Cho thuê tài sản	Điện mặt trời	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	592.677.421.695	8.428.767.217	2.158.035.303	603.264.224.215
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	592.677.421.695	8.428.767.217	2.158.035.303	603.264.224.215
Chi phí theo bộ phận	569.907.496.995	6.716.821.000	655.117.620	577.279.435.615
Lợi nhuận gộp	22.769.924.700	1.711.946.217	1.502.917.683	25.984.788.600
Các chi phí không phân bổ				5.377.693.071
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				20.607.095.529
Doanh thu hoạt động tài chính				924.648.933
Chi phí tài chính				11.634.067.847
Thu nhập khác				16.385.376
Chi phí khác				47.755.253
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				435.298.529
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				9.431.008.209

Theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, theo đó công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Đầu tư Phúc Điền Hậu Giang	Công ty con
Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị	
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc	
Các thành viên Ban kiểm soát	
Kế toán trưởng	

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 20.)

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	Từ ngày	Từ ngày
		01/01/2023 đến ngày 31/12/2023	01/01/2022 đến ngày 31/12/2022
		VND	VND
Ông Nguyễn Hoàng Luân	Chủ tịch HĐQT		
Mượn tiền		-	43.500.000.000
Trả tiền mượn		-	42.840.000.000

Tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Thành Lập – em trai ông Nguyễn Hoàng Luân là quyền sử dụng đất đang được công ty thế chấp đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng, chi tiết xem Thuyết minh số 20.

Một số tài sản thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Hoàng Luân bao gồm sổ tiết kiệm đang được công ty thế chấp đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng, chi tiết tại thuyết minh số 20.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Từ ngày	Từ ngày
	01/01/2023 đến ngày 31/12/2023	01/01/2022 đến ngày 31/12/2022
	VND	VND
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt		
Ông Nguyễn Hoàng Luân	164.120.769	164.120.769
Bà Võ Huỳnh Trang	24.000.000	24.000.000
Ông Võ Văn Phước Quê	134.076.154	134.076.154
Ông Nguyễn Đức Quang	139.363.846	139.363.846
Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên	24.000.000	24.000.000
Thù lao Ban kiểm soát		
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	36.000.000	36.000.000
Bà Nguyễn Thị Bảo Trâm	24.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	24.000.000	24.000.000
Kế toán trưởng		
Biện Thị Chuyên	127.648.494	127.648.494

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2023

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022 đã được kiểm



Nguyễn Khải Vân
Người lập



Biện Thị Chuyên
Kế toán trưởng



Võ Văn Phước Quê
Tổng Giám đốc



Hậu Giang, ngày 30 tháng 01 năm 2024